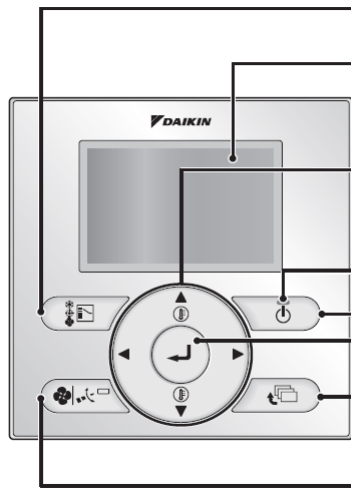


HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐIỀU KHIỂN BRC1E62



2

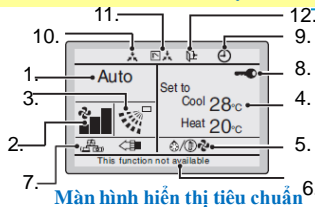
IV-2. BRC1E62

- 
1. Nút chọn chế độ chạy/mode: các chế độ chạy còn phụ thuộc vào model FCU.
 2. Nút điều chỉnh gió: hiển thị tốc độ gió/quạt, hướng gió. Còn phụ thuộc vào model FCU.
 3. Nút MENU/ENTER: Dừng để vào Menu chính, hoặc dừng như nút Enter để mở các cài đặt đã chọn.
 4. Nút lên: tăng nhiệt độ, thay đổi các lựa chọn trong menu.
 5. Nút xuống: giảm nhiệt độ, thay đổi các lựa chọn trong menu.
 6. Nút trái: Trở lại menu danh sách trước đó.
 7. Nút phải: Lựa chọn menu, hiển thị trang tiếp theo của menu.
 8. Nút nhấn ON/OFF và Đèn hoạt động: đèn sáng thì bình thường, đèn nháy là báo lỗi.
 9. Nút nhấn ON/OFF và Đèn hoạt động: đèn sáng thì bình thường, đèn nháy là báo lỗi.
 10. Nút Cance/hủy: trở về màn hình trước đó.
 11. Màn hình hiển thị: Màn hình nền sẽ sáng 30s khi bấm nút, trừ nút ON/OFF. Nếu có 2 remote trên 1 FCU thì chỉ remote nào bấm trước mới sáng đèn.

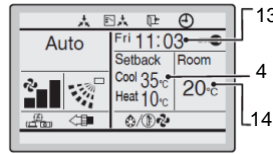
Chú ý: không ấn mạnh nút, không chọc nút bằng vật nhọn để tránh hư hỏng remote.

3

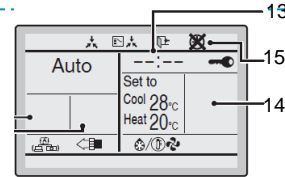
MÀN HÌNH HIỂN THỊ TIÊU CHUẨN



Màn hình hiển thị tiêu chuẩn



Màn hình hiển thị chi tiết 1



Màn hình hiển thị chi tiết 2

1. Chế độ chạy:

Hiện thị chế độ đang dùng
 “Cool”: chạy lạnh.
 “Heat”: chạy sưởi.
 “Vent”: chạy thông gió.
 “Dry”: chạy hút ẩm.
 “Fan”: chạy quạt gió.
 “Auto”: chạy tự động.

2. Tốc độ gió: hiện thị tốc độ quạt gió đang lựa chọn. Sẽ không hiển thị nếu dàn lạnh không có chức năng điều chỉnh tốc độ gió.

3. Hướng gió: hiện thị hướng gió và chế độ cánh đảo gió đang dùng. Sẽ không hiển thị nếu dàn lạnh không có chức năng điều chỉnh hướng gió.

4. Nhiệt độ set to/set back:

Khi chạy máy, “Set to”: là chỉ nhiệt độ cài đặt;
 Khi tắt máy, “Set back” hiện lên chỉ nhiệt độ setback.

5. Xả tuyết/ Chạy nóng: hiện lên khi chế độ xả tuyết/ chạy nóng đang được kích hoạt. Nếu hoạt động thông gió có hiện thị thì hệ thống có lắp bộ hồi nhiệt HRV.

6. Tin nhắn:

–“This function not available”: Tin nhắn này sẽ hiển thị vài giây khi bấm một nút chức năng nào đó mà dàn lạnh không có chức năng tương ứng.

–“Error: Push Menu button”

“Warning: Push Menu button” hiện lên khi có phát hiện lỗi hay cảnh báo.

–“Quick start” (Chỉ cho máy Split) hiện lên khi chế độ làm lạnh nhanh/ nóng nhanh đang được kích hoạt.

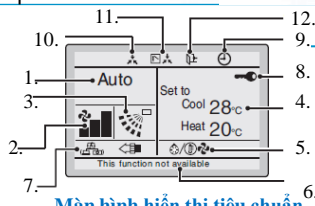
– “Time to clean filter”

“Time to clean element”

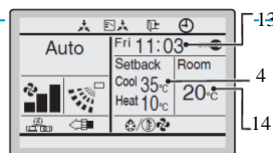
“Time to clean filter and element”

Hiện thị khi đến thời gian cần vệ sinh phin lọc hoặc các bộ phận (element)

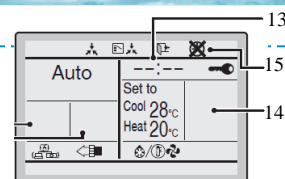
4



Màn hình hiển thị tiêu chuẩn



Màn hình hiển thị chi tiết 1



Màn hình hiển thị chi tiết 2

7. Thông gió/ lọc khí:

Hiện lên khi có lắp HRV.

Các hiện thị chế độ hiện tại:

Tự động,
 Hồi nhiệt,
 Bypass (không trao đổi nhiệt).

Chế độ lọc khí (phụ kiện ngoài) đang hoạt động.

8. Khóa nút:

Hiện thị khi đang thực hiện khóa điều khiển

9. Đếm giờ:

Hiện thị khi đang kích hoạt lịch hẹn giờ theo lịch trình hoặc hẹn giờ tắt.

10. Điều khiển trung tâm: hiện thị khi máy đang dưới sự kiểm soát của bộ điều khiển trung tâm và đồng thời remote bị khóa.

11. Chuyển giao quyền điều khiển (chỉ VRV):

hiển thị khi remote không có quyền chọn lựa chế độ nóng/lạnh (điều khiển phụ)

12. Setback: Biểu tượng sẽ nhấp nháy khi máy điều hòa kích hoạt chạy trong chế độ “Setback”.

13. Đồng hồ:

Hiện thị thời gian thực được cài đặt.

Nếu không cài đồng hồ thì sẽ hiện “-- : --”

14. Thông tin chi tiết:

Hiện thông tin chi tiết của mục được chọn (VD room temp)

Mặc định remote sẽ không chọn một lựa chọn nào (không có hiển thị).

15. Tắt hẹn giờ / Thiết lập lại đồng hồ:

Hiện thị khi yêu cầu phải cài đặt lại đồng hồ

Chức năng hẹn giờ theo lịch trình sẽ không được kích hoạt khi chưa cài đặt lại đồng hồ



5

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (THỰC HIỆN BẰNG CÁC NÚT BẤM TRỰC TIẾP)

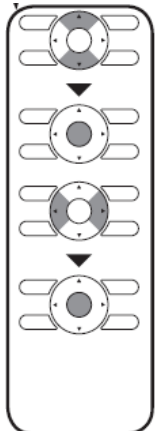
Màn hình hiển thị hoạt động

Màn hình mô tả sẽ được hiển thị trên RC

Phương pháp thực hiện

- Hiển thị màn hình menu chính
- Nhấn ▲▼ để chọn “Schedule”.
- Nhấn  để vào danh mục “Schedule”
- Trước khi cài đặt lịch trình hoạt động, đồng hồ cần được cài đặt.
- Nếu đồng hồ không được cài đặt, màn hình hiển thị như bên trái (Thứ 2)
- Nhấn nút ◀▶ để chọn “Yes” và nhấn  để xác nhận.
- Màn hình hiển thị Ngày(Day) và thời gian(Time) sẽ xuất hiện
- Thực hiện cài đặt: Năm, tháng, ngày và thời gian hiện tại.

Các nút nhấn

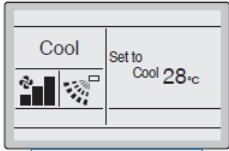


DAIKIN VIETNAM


6

1. CÁC CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG COOL/HEAT/AUTO/FAN


1




Hiển thị cơ bản


Nhấn nút Mode  nhiều lần, mỗi lần nhấn hệ thống sẽ lựa chọn qua các chế độ Cool(Lạnh), Heat(Sưởi), Fan(Quạt) hoặc Auto(Tự động).


- Chế độ không có sẵn sẽ không hiển thị.
- Chỉ có thể lựa chọn chế độ Lạnh hay Quạt đối với model máy một chiều lạnh.



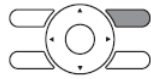
Lưu ý: chuyển chế độ Cool / Heat không thể được thực hiện trên điều khiển có hiển thị 

2

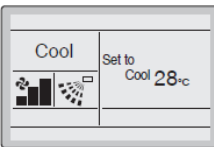


Nhấn nút ON/OFF  để Bật dàn lạnh.


- Đèn màu xanh sáng báo dàn lạnh hoạt động



3



Thực hiện cài đặt nhiệt độ. Nhiệt độ cài đặt sẽ tăng 1°C khi nút ▲ được nhấn, và nhiệt độ cài đặt giảm 1°C khi nút ▼ được nhấn



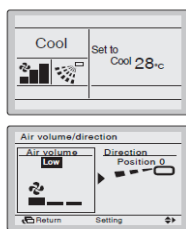
Lưu ý: Trong chế độ hoạt động “Fan”, không thể thực hiện được cài đặt nhiệt độ.

DAIKIN VIETNAM

7

1. CÁC CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG COOL/HEAT/AUTO/FAN

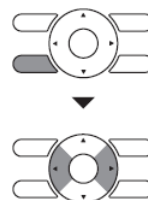
4



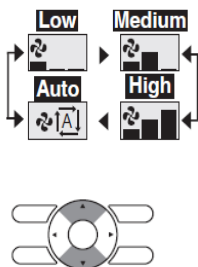
Tốc độ luồng khí [Airflow] ([Air Volume]) Lưu lượng không khí / [Fan Speed] Tốc độ quạt) hoặc cài đặt cánh đảo gió [Airflow Direction Setting]

Nhấn nút [Airflow]

Chọn [Air Volume] Lưu lượng không khí hoặc [Direction] cánh đảo gió bằng nút nhấn ◀▶.



5



Điều chỉnh tốc độ luồng khí.

- Khi đã vào chế độ chọn tốc độ luồng khí, hãy nhấn nút ◀▶ để thay đổi tốc độ từ thấp đến cao là: **Low, Medium, High** hay chọn chế độ tự động: **Auto**.

- Tùy từng loại dàn lạnh mà có thể có 2 tốc độ **Low** và **High**, hay là 3 tốc độ là: **Low, Medium, High**

- Cho mục đích bảo vệ thiết bị, dàn lạnh có thể điều khiển tốc độ tự động.

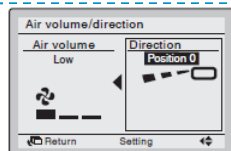
- Tùy theo nhiệt độ phòng, dàn lạnh cũng có thể điều khiển tốc độ tự động.

- Quạt có thể dừng hoạt động, tuy nhiên đó không phải lỗi.

- Có thể mất khoảng thời gian cho sự thay đổi tốc độ hoàn thành.

- Đối với chạy **Auto**, tốc độ quạt điều chỉnh tự động theo nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ phòng. Trong chế độ **Fan**, Tốc độ luôn luôn là cao nhất (**High**)

1. CÁC CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG COOL/HEAT/AUTO/FAN



Cài đặt cánh đảo gió

- Lựa chọn vị trí của các cánh đảo gió bằng nút nhấn ▼▲ sẽ thay đổi qua các vị trí là: **Position 0, Position 1, Position 2, Position 3, Position 4, Swing** và **Auto**



Lưu ý: Vị trí của các cánh đảo gió như hình dưới.



- Khi bạn chọn một vị trí của cánh đảo gió từ 0 đến 4, cánh đảo gió sẽ giữ ở vị trí chính xác như cài đặt.

- Cài đặt về **Swing**, cánh đảo gió sẽ thay đổi vị trí liên tục từ 0 ↔ 4

Đối với cài đặt **Swing**, tất cả vị trí của cánh đảo gió sẽ hiển thị.

- Cài đặt **Auto**, vị trí cánh đảo gió sẽ thay đổi theo nhiệt độ phòng, và theo sự có mặt hay vắng mặt của con người trong khu vực.

- Trong chế độ **Fan**, cánh đảo gió sẽ ở vị trí 0

Chức năng trên cũng sẽ không có sẵn đối với một số loại dàn lạnh.

- Nhấn nút **Menu** để xác nhận cài đặt và trở về màn hình cơ bản

1. CÁC CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG COOL/HEAT/AUTO/FAN

Đi chuyển hướng dòng khí

Theo các điều kiện hoạt động ở dưới đây, hướng luồng khí (cánh đảo gió) có thể được tự động điều chỉnh. Vì thế hoạt động thực tế có thể khác với những hiển thị trên điều khiển từ xa.

1. Nhiệt độ phòng cao hơn so với nhiệt độ cài đặt trên điều khiển (trong chế độ **Heat/Auto**), hướng gió sẽ thổi theo chiều ngang để không thổi trực tiếp vào cơ thể người.
2. Khi điều hòa không khí bắt đầu đi vào hoạt động chế độ sưởi ấm hay xả băng (trong chế độ **Heat/Auto**), hướng gió sẽ thổi ngang để tránh luồng khí lạnh cho những người ở trong phòng.
3. Khi máy điều hòa hoạt động liên tục với hướng dòng khí thổi ngang (trong chế độ **Cool/Auto**), Hướng luồng khí sẽ thiết lập chạy tự động trong một khoảng thời gian để tránh hiện tượng ngưng tụ ở trên các cánh đảo gió ngang.
4. Khi máy điều hòa hoạt động liên tục với hướng dòng khí thổi xuống (trong chế độ **Cool/Auto**), Hướng luồng khí sẽ thiết lập chạy tự động trong một khoảng thời gian để tránh hiện tượng ngưng tụ ở trên các cánh đảo gió ngang.

1. CÁC CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG COOL/HEAT/AUTO/FAN

6



Nhấn nút ON/OFF  một lần nữa để Tắt dàn lạnh.

-Đèn màu xanh tắt khi dàn lạnh dừng

* Khi điều hòa không khí dừng trong chế độ hoạt động sưởi ấm, quạt dàn lạnh vẫn sẽ hoạt động trong khoảng 1 phút sau đó để giải nhiệt hết cho dàn lạnh.



Lưu ý: Để tránh hiện tượng bị rò rỉ nước hay lỗi hệ thống, không nên tắt nguồn ngay lập tức. Phải đợi ít nhất 5 phút để bơm nước xả hoàn thành bơm hết nước xả còn lại ở trong dàn lạnh ra ngoài.

ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG LẠNH (TRONG CHẾ ĐỘ COOL/AUTO)

* Trong hoạt động liên tục với hướng luồng khí là ngang hay hướng xuống, cánh đảo gió sẽ được thiết lập tự động trong một khoảng thời gian để tránh ngưng tụ trên cánh đảo gió.

* Nếu hoạt động lạnh trong khi nhiệt độ phòng là thấp, có khả năng sẽ hình thành băng trên dàn trao đổi nhiệt dàn lạnh. Điều đó làm giảm khả năng làm lạnh. Trường hợp này, hệ thống sẽ tự chuyển sang chế độ xả đá trong một khoảng thời gian.

Trong quá trình xả đá, tốc độ không khí là ở mức thấp, hay gió nhẹ để tránh hiện tượng dàn lạnh thổi ra nước trong quá trình băng tan chảy.

* Trong hoạt động làm lạnh, khi nhiệt độ không khí ngoài trời là cao, phải mất thời gian hơn để có thể giảm nhiệt độ phòng về nhiệt độ cài đặt.



ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG SƯƠI (TRONG CHẾ ĐỘ HEAT/AUTO)

•**Bắt đầu hoạt động:** Hoạt động sưởi ấm thông thường cần một thời gian lâu hơn để có thể đạt được nhiệt độ cài đặt so với hoạt động lạnh. Có thể được nên sử dụng bộ hẹn giờ.

Hệ thống điều hòa sẽ tự động điều khiển các hoạt động sau đây để tránh tổn thất công suất sưởi và duy trì không gian điều hòa thoải mái.



Hoạt động xả băng: (nhằm loại bỏ băng cho dàn nóng).

-Hệ thống sẽ tự vào chế độ xả băng để ngăn chặn tình trạng đóng băng bên ngoài dàn nóng, và như thế sẽ làm giảm công suất sưởi.

-Quạt dàn lạnh sẽ dừng lại và “/“” (**Xả băng/chạy nóng**) sẽ hiển thị trên điều khiển.

-Hệ thống sẽ trở lại hoạt động bình thường sau thời gian khoảng 6 đến 8 phút (tối đa 10 phút).

Hoạt động nóng

* Khi hệ thống bắt đầu vào chế độ chạy sưởi hay xả băng, quạt dàn lạnh sẽ dừng để ngăn chặn luồng không khí lạnh được thổi ra. (trường hợp này “/“” (**Xả băng/chạy nóng**) sẽ được hiển thị trên điều khiển.

Liên quan giữa nhiệt độ ngoài trời và khả năng sưởi ấm

* Công suất sưởi ấm sẽ bị giảm khi nhiệt độ không khí ngoài trời giảm.

-Nếu công suất sưởi là không đủ, khuyến cáo nên sử dụng thêm các thiết bị sưởi hỗ trợ khác

(Khi sử dụng thêm các thiết bị sưởi, hãy đảm bảo thông gió cho phòng thường xuyên).

-Không sử dụng các thiết bị sưởi, gia nhiệt ở nơi tiếp xúc với gió từ điều hòa.

* Hệ thống điều hòa này sẽ lưu thông không khí ấm để làm ấm cho toàn bộ phòng. Vì thế sẽ mất một khoảng thời gian để phòng trở nên ấm áp sau khi hệ thống bắt đầu hoạt động.

-Khi nhiệt độ phòng vượt quá nhiệt độ cài đặt, dàn lạnh sẽ điều chỉnh tốc độ quạt thấp để cho luồng gió nhẹ và hướng gió là thổi ngang (sẽ được hiển thị trên điều khiển).

* Nếu không khí nóng vẫn ở trên cao và bên dưới bạn cảm thấy lạnh, khuyến khích sử dụng thêm thiết bị tuần hoàn không khí hỗ trợ.

Để biết chi tiết, tham khảo ý kiến các đại lý địa phương của bạn.

2. CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG KHỬ ẨM - DRY

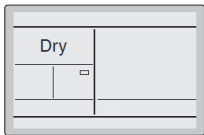
Chuẩn bị

1. Với mục đích bảo vệ cơ khí, hãy bật nguồn điều hòa ít nhất 6 giờ trước khi hoạt động

2. Chế độ khử ẩm (Dry) có thể không được thực hiện nếu điều khiển không cho phép thay đổi lựa chọn Cool/Heat

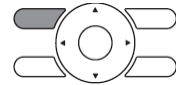
Hoạt động

1



Nhấn nút **Mode**  nhiều lần để chọn chế độ khử ẩm (Hiện thị “Dry” như hình bên).

-Chế độ **Dry** có thể không được lựa chọn nếu loại dàn lạnh không có sẵn chế độ này.

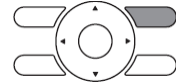


2



Nhấn nút **ON/OFF**  đèn màu xanh sẽ sáng báo hiệu máy bắt đầu hoạt động.

-Hệ thống sẽ điều khiển nhiệt độ và tốc độ gió là tự động. Vì thế giá trị để thiết lập nhiệt độ cài đặt và tốc độ gió trên điều khiển là không có khi máy đang hoạt động trong chế độ này




2. CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG KHỬ ẨM - DRY

3

Các bước cài đặt về hướng gió được thiết lập như đã hướng dẫn trong phần trước

4



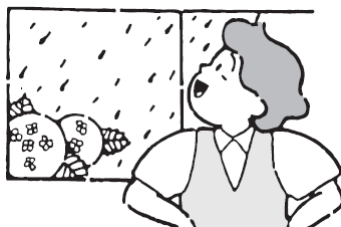
Khi nhấn nút **ON/OFF**  một lần nữa, đèn màu xanh sẽ tắt báo hiệu máy dừng hoạt động.

Lưu ý: Để tránh hiện tượng bị rò rỉ nước hay lỗi hệ thống, không nên tắt nguồn ngay lập tức. Phải đợi ít nhất 5 phút để bơm nước xả hoàn thành bơm hết nước xả còn lại ở trong dàn lạnh ra ngoài.



ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG KHỬ ẨM.

Chế độ khử ẩm hoạt động lặp lại chế độ làm lạnh nhẹ và không liên tục nhằm hút ẩm ở trong phòng, đồng thời không giảm nhiệt độ của phòng để tránh làm quá lạnh



3. HOẠT ĐỘNG QUAY LẠI - SETBACK

SETBACK là chế độ duy trì nhiệt độ phòng trong phạm vi cài đặt khi không có người sử dụng

- Chức năng này sẽ tạm thời khởi động điều hòa mà đã được tắt trước đó bởi người sử dụng hay bởi một lịch hẹn trước.

- Chức năng này mặc định khóa bởi nhà sản xuất. Để sử dụng chức năng, vào **Menu** để mở sử dụng.

Ví dụ cài đặt:

Nhiệt độ Setback: Cool: 35°C và Heat: 10°C

Nhiệt độ chênh lệch phục hồi: Cool: -2°C và Heat: +2°C

Mô tả:

+ Nếu nhiệt độ trong phòng giảm xuống 10°C, máy điều hòa tự động hoạt động sưởi ấm. Sau khi nhiệt độ phòng tăng lên đến 12°C, điều hòa sẽ trở lại trạng thái ban đầu.

+ Nếu nhiệt độ trong phòng tăng lên 35°C, máy điều hòa tự động hoạt động làm lạnh. Sau khi nhiệt độ phòng giảm xuống đến 33°C, điều hòa sẽ trở lại trạng thái ban đầu.

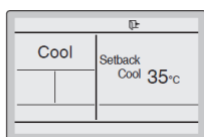
- Cài đặt nhiệt độ chênh lệch phục hồi: thực hiện trong Menu **"Setback"**


- Cài đặt chế độ **"Setback"** có thể được thực hiện trên màn hình cơ bản của điều khiển khi đã tắt, hoặc có thể cài trong phần thiết lập lịch trình hoạt động

Hoạt động

SETBACK là không được kích hoạt khi có thiết bị điều khiển trung tâm được kết nối

1



Biểu tượng **Setback**  sẽ hiển thị trên điều khiển khi máy điều hòa hoạt động trong chế độ **Setback**

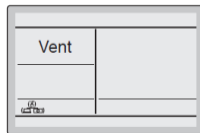
4. HOẠT ĐỘNG THÔNG GIÓ (KHI ĐIỀU HÒA HOẠT ĐỘNG LIÊN ĐỘNG VỚI HRV)


Chuẩn bị

Với mục đích bảo vệ cơ khí, hãy bật nguồn điều hòa ít nhất 6 giờ trước khi hoạt động

Chế độ hoạt động

1

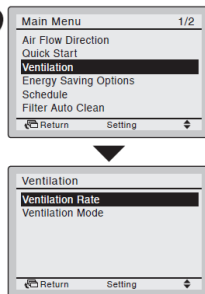


Nhấn nút **Mode**  nhiều lần để chọn chế độ thông gió (Hiện thị “Vent” như hình bên).

-Chế độ **Vent** là hoạt động đơn lẻ của HRV, nó sử dụng ở một số thời điểm trong năm mà thời điểm đó không cần thiết sử dụng tới hoạt động **Cool/Heat** (ví dụ như mùa thu).

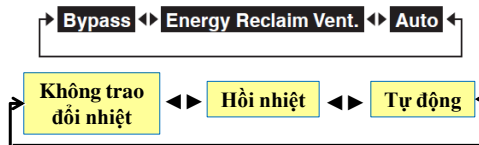


2



Thực hiện cài đặt chế độ trong phần **Menu – Ventilation – Ventilation Mode** (Phần sau)

Các chế độ lựa chọn của **Vent** gồm 2 chế độ như bên dưới:

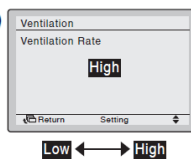


16

4. HOẠT ĐỘNG THÔNG GIÓ (KHI ĐIỀU HÒA HOẠT ĐỘNG LIÊN ĐỘNG VỚI HRV)

Điều chỉnh tốc độ

3



Tốc độ thông gió sẽ được cài đặt trong phần **Menu – Ventilation – Ventilation Rate** (Phần sau)

Có 2 tốc độ là:



4



Nhấn nút **ON/OFF**.

Đèn hoạt động màu xanh sáng và HRV bắt đầu hoạt động

5

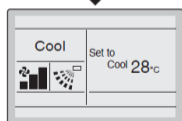
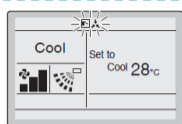



Nhấn nút **ON/OFF** một lần nữa.



Đèn hoạt động màu xanh sẽ tắt và HRV dừng hoạt động

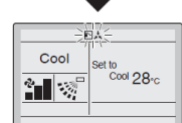
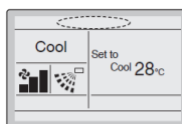
17

5. CÀI ĐẶT QUYỀN ĐIỀU KHIỂN COOL/HEAT (CHỈ CHO VRV)









Đối với các hệ thống điều hòa hai chiều **Cool/Heat** hay hệ thống **Heat Recovery**, khi hoạt động lần đầu tiên sau khi lắp đặt xong và thực hiện xong công đoạn chạy máy đưa vào hoạt động (**Test Operation**). Trên điều khiển của tất cả các dàn lạnh sẽ hiển thị biểu tượng “” nhấp nháy. *Biểu tượng này nhấp nháy báo hiệu rằng hệ thống điều hòa chưa xác nhận điều khiển chủ (Master). Đó là điều khiển duy nhất trong hệ thống có thể thay đổi được chế độ hoạt động Cool/Heat.*

-Đến một điều khiển bất kỳ có biểu tượng “” đang nhấp, bấm nút **Mode**  một lần. Điều khiển đó sẽ mất biểu tượng trên(là điều khiển chủ), và các điều khiển còn lại trong hệ thống sẽ hiện biểu tượng không nhấp(các điều khiển phụ).



Khi muốn chuyển đổi điều khiển chủ(chuyển sang một điều khiển của dàn lạnh khác), các bước làm như sau:

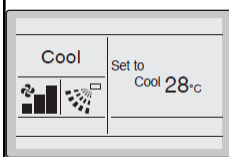
- Tại điều khiển chủ, bấm giữ nút **Mode**  khoảng hơn 4 giây, biểu tượng “” sẽ hiển thị và nhấp trên tất cả các điều khiển trong hệ thống.
- Đến điều khiển muốn đặt làm điều khiển chủ mới, bấm nút **Mode**  một lần. Điều khiển đó sẽ mất biểu tượng “” (đã xác nhận làm điều khiển chủ) và các điều khiển còn lại sẽ hiện biểu tượng “” (các điều khiển phụ).



Đối với hệ thống điều hòa một chiều lạnh (**Cool**), hay đối với hệ thống 2 chiều sử dụng thêm "**Cool/Heat Selector**", thì biểu tượng “” sẽ hiển thị trên tất cả các điều khiển.

18

5. CÀI ĐẶT QUYỀN ĐIỀU KHIỂN COOL/HEAT (CHỈ CHO VRV)

Hoạt động




-Tại điều khiển chủ(không có biểu tượng “”), nhấn nút **Mode**  nhiều lần để thay đổi đến chế độ hoạt động mong muốn. Màn hình điều khiển sẽ thay đổi các chế độ **Fan/Dry/Auto/Cool/Heat** sau mỗi lần bấm.

-Riêng đối với chế độ **Auto**, màn hình chỉ hiển thị **Auto** đối với hệ thống **Heat Recovery**.


-Đồng thời các điều khiển còn lại trong hệ thống(điều khiển phụ) cũng sẽ tự động thay đổi màn hình cho phù hợp.



-Các chế độ **Cool/Heat/Auto** chỉ có thể được thay đổi tại điều khiển chủ (Riêng chế độ **Auto** chỉ dành cho hệ thống **Heat Recovery**)

Điều khiển chủ
(không có biểu tượng “”)

Thay đổi các chế độ
Cool/Heat/Dry/Auto


Các điều khiển còn lại(có biểu tượng “”)

* Các điều khiển này sẽ đi vào hoạt động với chế độ đang được thiết lập trên điều khiển chủ. Các chế độ khác lúc này là không có sẵn.


* Tuy nhiên các điều khiển này có thể chuyển được sang chế độ **Fan**.

Trong trường hợp chạy chế độ **Cool** hay **Dry**, tại các điều khiển này(phụ) có thể thay đổi được giữa 2 chế độ **Cool ↔ Dry**

5. CÀI ĐẶT QUYỀN ĐIỀU KHIỂN COOL/HEAT (CHỈ CHO VRV)

Điều khiển chủ
(không có biểu tượng “”)

Thay đổi chế độ Fan

Các điều khiển còn lại(có biểu tượng “”)


* Các điều khiển còn lại không thể thay đổi được chế độ nào khác trừ chế độ **Fan** đang chọn.

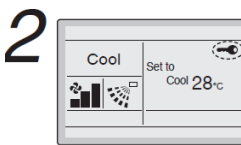
6. KHÓA NÚT ĐIỀU KHIỂN




Hoạt động

Chỉ thực hiện cài đặt hay hủy cài đặt trên màn hình cơ bản của điều khiển.



Tại màn hình cơ bản, trong khi đèn màn hình sáng, Bấm giữ nút Menu/Enter  trong khoảng hơn 4 giây



-Biểu tượng “” sẽ xuất hiện.
Tất cả các nút của điều khiển sẽ bị khóa
-Hủy chế độ khóa nút điều khiển: tại màn hình cơ bản trong khi đèn màn hình đang sáng, Bấm giữ nút Menu/Enter  trong khoảng hơn 4 giây, biểu tượng “” sẽ mất.



20

DANH SÁCH MUNE CHÍNH

CÀI ĐẶT VÀ HIỆN THỊ		NỘI DUNG
AIR FLOW DIRECTION (CÁNH ĐẢO GIÓ) Chỉ khi chức năng hướng gió riêng lẻ, độc lập được cài đặt	Individual setting (Cài đặt độc lập)	Được sử dụng để thiết lập hướng gió cho tối đa 4 cánh đảo gió riêng biệt. Hệ thống Split, tối đa được 4 dàn (A, B, C, D) Hệ thống VRV, tối đa 16 dàn (từ 0-15)
	Individual setting list (Danh sách cài đặt độc lập)	Sử dụng để xem bảng cài đặt cho tối đa 4 hướng đảo gió.
	Individual set all reset (Hủy tất cả cài đặt độc lập)	Sử dụng để hủy toàn bộ cài đặt cho các hướng đảo gió.
	Air direction range select (Phạm vi chọn hướng gió) Chỉ duy nhất cho model FVQ	Auto Swing được lựa chọn 3 mô hình phù hợp với bố trí trong phòng điều hòa là: Standard (tiêu chuẩn) - Right blow (Hướng phải) - Left blow (hướng trái)
QUICK START (KHỞI ĐỘNG NHANH) Chỉ cho máy Split		Được dùng để nhanh chóng thay đổi nhiệt độ phòng đến nhiệt độ cài đặt mong muốn.(trừ chế độ Dry và Fan) Thời gian hoạt động tối đa của chế độ này là 30 phút
VENTILATION (THÔNG GIÓ) Cài đặt cho HRV	Ventilation Rate (Tốc độ)	Sử dụng cài đặt Low hay High
	Ventilation Mode (Chế độ)	Sử dụng cài đặt Automatic, Energy Reclaim Ventilation hay Bypass

CÀI ĐẶT VÀ HIỂN THỊ	NỘI DUNG
ENERGY SAVING OPTIONS (LỰA CHỌN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG)	<p>Energy saving lish (Danh sách) Kích hoạt hay dừng các thiết lập ở dưới đây.</p> <p>Setpoint range set (Cài đặt giới hạn nhiệt độ) Phạm vi cài đặt nhiệt độ có thể được hạn chế. Giới hạn nhiệt độ tùy thuộc model hay chế độ hoạt động.</p> <p>Set back condition (Hoạt động quay lại) Xác định điểm khi điều hòa không khí dừng hoạt động lần nữa từ việc điều khiển Setback.</p> <p>Sensing Sensor (low) {Cảm biến(thấp)} Khi phát hiện không có người trong không gian điều hòa, máy sẽ tự động thay đổi các điều kiện hoạt động hợp lý. Chỉ khi bộ cảm biến được lắp đặt Khi có người trở lại không gian điều hòa, nó sẽ quay về hoạt động theo nhiệt độ đã cài đặt.</p> <p>Sensing Sensor (stop) {Cảm biến(dừng)} Khi phát hiện không có người trong không gian điều hòa, máy sẽ tự động dừng hoạt động. Chỉ khi bộ cảm biến được lắp đặt</p> <p>Setpoint auto reset (tự động khôi phục nhiệt độ cài đặt) Ngay cả khi nhiệt độ cài đặt được thay đổi, sau một thời gian cài đặt nó sẽ quay trở lại nhiệt độ cài sẵn ban đầu.</p> <p>Off timer (Thời gian tắt) Sau khi bạn bật điều hòa, nó sẽ tự động tắt theo thời gian cài đặt. Thời gian cài đặt có thể thay đổi từ 30-180 phút (Bước thay đổi là 10 phút)</p>

CÀI ĐẶT VÀ HIỂN THỊ	NỘI DUNG
ENERGY SAVING OPTIONS (LỰA CHỌN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG)	<p>Electricity consumption (Điện năng tiêu thụ) Hiển thị điện năng tiêu thụ đến thời điểm hiện tại. Chức năng này có hay không tùy thuộc loại dàn lạnh</p> <p>-Chức năng này không có khi dàn lạnh kết nối nhóm với điều khiển từ xa.</p> <p>-Điện năng tiêu thụ hiển thị không phải là phép đo điện năng thông thường, mà dựa trên các tính toán hoạt động của cả hệ thống điều hòa.</p> <p>-Một số giá trị trong tính toán điện năng này là tuyệt đối, một số khác là theo phương pháp nội suy nên sẽ có dung sai. Vì thế kết quả hiển thị có thể sai khác với thực tế</p>

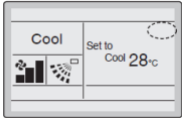
CÀI ĐẶT VÀ HIỂN THỊ		NỘI DUNG
SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)	Enable/Disable (kích hoạt/dừng kích hoạt)	Thay đổi trạng thái kích hoạt hay dừng kích hoạt của chức năng hoạt động lập lịch
	Schedule nr set (Số lượng lịch cài đặt)	Số lịch trình có thể hoạt động được lựa chọn. (Lịch số 1, 2 hay 3)
	Holidays (ngày nghỉ)	Thiết lập các ngày nghỉ
	Setting (Cài đặt)	Cài đặt thời gian hoạt động và dừng hoạt động. -ON: thời gian chạy, chế độ chạy hay nhiệt độ cài đặt có thể được xác nhận. -OFF: Dừng hoạt động, chế độ Setback và nhiệt độ cài đặt có thể được xác nhận. "--": chỉ ra rằng chức năng Setback là vô hiệu trong khoảng thời gian này. "-": Chỉ ra rằng nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ Setback là không xác định trong khoảng thời gian này. Nhiệt độ cài đặt cuối cùng trên RC sẽ được sử dụng. Có 5 hoạt động lập lịch có thể được lập mỗi ngày.

CÀI ĐẶT VÀ HIỂN THỊ		NỘI DUNG
FILTER AUTO CLEAN (TỰ ĐỘNG LÀM SẠCH)		Chức năng này chỉ có sẵn cho các model có chức năng tự động làm sạch
MAINTENANCE INFORMATION (THÔNG TIN BẢO TRÌ)		Sử dụng để hiển thị thông tin model và đơn vị liên hệ sửa chữa
CONFIGURATION (CẤU HÌNH)	Draft Prevention (Ngăn chặn luồng gió) chỉ sử dụng khi cảm biến được cài đặt.	Chức năng này có thể được kích hoạt hay ngừng kích hoạt
	Display (Hiển thị)	Dùng thay đổi hiển thị của màn hình: hiển thị bình thường (standard) hay chi tiết (detailed). Cài đặt hiển thị chi tiết: có thể chọn hiển thị nhiệt độ phòng, nhiệt độ không khí bên ngoài, hệ thống hay bỏ trống.
	Contrast Adjustment (điều chỉnh tương phản)	Dùng để điều chỉnh độ tương phản của màn hình LCD


DANH SÁCH MUNE CHÍNH


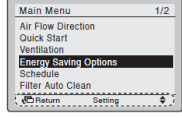
CÀI ĐẶT VÀ HIỂN THỊ	NỘI DUNG
CURRENT SETTING(CÀI ĐẶT HIỆN TẠI)	Được sử dụng để hiển thị một danh sách các thiết lập hiện tại cho các mục có sẵn.
CLOCK & CALENDAR (ĐỒNG HỒ VÀ LỊCH)	Date & Time (Ngày và giờ)
	12H/24H Clock (đồng hồ 12H/24H)
LANGUAGE (NGÔN NGỮ)	

PHƯƠNG PHÁP VÀO MENU


- 

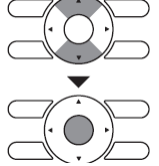

Màn hình cơ bản


Nhấn nút **Menu/Enter** 


- 

Màn hình Menu sẽ xuất hiện
- Nhấn nút **▲ ▼** để thay đổi các lựa chọn danh mục

Nhấn nút **Menu/Enter**  để xác nhận vào chế độ danh mục lựa chọn.

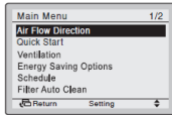

- Trở về Màn hình chính khi từ màn hình Menu, nhấn nút **Cancel** 



1. ĐIỀU KHIỂN HƯỚNG ĐẢO GIÓ

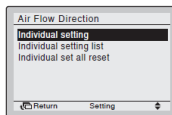
1.1: INDIVIDUAL SETTING(CÀI ĐẶT ĐỘC LẬP)

1



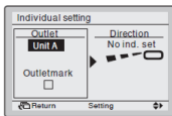
Vào Menu, chọn mục **Air Flow Direction**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



Chọn mục **Individual setting**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

3

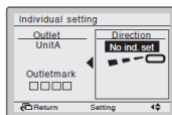


Nhấn **▼▲** để chọn dàn lạnh và cánh đảo gió.
-Trong trường hợp dàn lạnh có 4 cánh đảo gió, bạn cần điều khiển độc lập 4 cánh đảo gió này, bạn cần chọn phần OutletMark: □, □□, □□□, □□□□
-Trong trường hợp máy Split, có tối đa 4 dàn lạnh có thể cài đặt.
-Đối với hệ thống VRV, tối đa 16 dàn lạnh trong 1 nhóm có thể cài đặt.

1. ĐIỀU KHIỂN HƯỚNG ĐẢO GIÓ

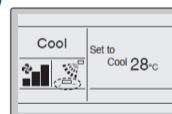
1.1: INDIVIDUAL SETTING(CÀI ĐẶT ĐỘC LẬP)

4



Nhấn **►** để chọn cánh đảo gió để cài đặt vị trí.
Nhấn **▼▲** để thay đổi vị trí cánh đảo gió cần cài đặt. **No ind.set** (không cài đặt), **Position 0**, **Position 1**, **Position 2**, **Position 3**, **Position 4**(các vị trí 0 đến 4), **Swing blocked**(khóa cài đặt độc lập)
Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt và trở lại màn hình chính

5

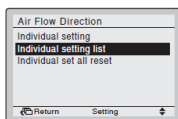


Nếu cài đặt **Individual setting** được xác nhận, biểu tượng của nó sẽ hiển thị trên điều khiển “.”

1. ĐIỀU KHIỂN HƯỚNG ĐẢO GIÓ

1.2: INDIVIDUAL SETTING LIST(DANH SÁCH CÀI ĐẶT ĐỘC LẬP)

1

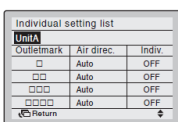


Vào mục **Air Flow Direction**

Nhấn **▼▲** để chọn **Individual setting list**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



Một bảng danh sách đã cài đặt các cánh đảo gió cho các dàn lạnh sẽ hiện ra.

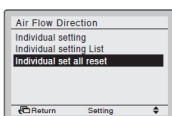
Nhấn **▼▲** để di chuyển chọn các dàn lạnh.

Nhấn **Cancel** để trở lại màn hình menu chính.

1. ĐIỀU KHIỂN HƯỚNG ĐẢO GIÓ

1.3: INDIVIDUAL SET ALL RESET(HỦY MỌI CÀI ĐẶT ĐỘC LẬP)

1

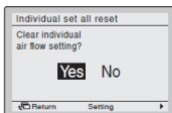


Vào mục **Air Flow Direction**

Nhấn **▼▲** để chọn **Individual set all reset**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



Nhấn **◀▶** để chọn **Yes**

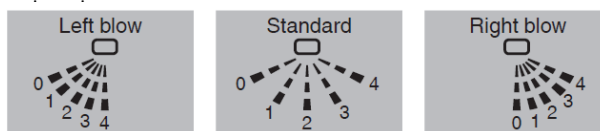
Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình Menu chính

1.4: AIR DIRECTION RANGE SELECT(PHẠM VI LỰA CHỌN CÁCH ĐẢO GIÓ)

Chỉ dành cho model FVQ

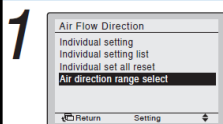
Có thể được lựa chọn bởi bộ điều khiển từ xa tùy thuộc vào vị trí lắp đặt của máy điều hòa

Có 3 mô hình có thể lựa chọn như sau:

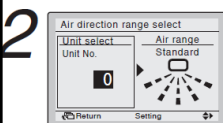


1. ĐIỀU KHIỂN HƯỚNG ĐẢO GIÓ

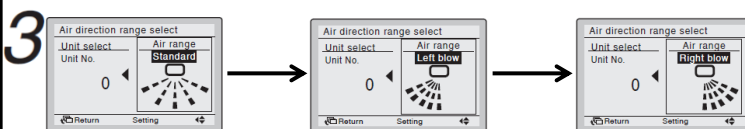
1.4: AIR DIRECTION RANGE SELECT(PHẠM VI LỰA CHỌN CÁNH ĐẢO GIÓ)



Vào mục **Air Flow Direction**
 Nhấn ▼▲ để chọn **Air direction range select**
 Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này



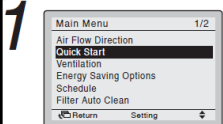
Nhấn ▼▲ để chọn dàn lạnh cần cài đặt (VRV tối đa 16 dàn lạnh trong nhóm (từ 0-15))



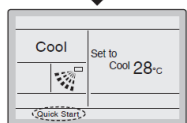
Nhấn ► để chuyển sang các mô hình phù hợp để cài đặt.
 Nhấn nút ▲▼, Các mô hình cài đặt sẽ thay đổi từ Standard, Left blow, Right blow.
 Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình Menu chính

2. QUICK START (KHỞI ĐỘNG NHANH)-CHỈ CHO SPLIT

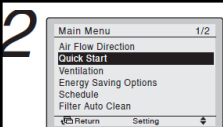
QUICK START ON-OFF(KÍCH HOẠT HAY DỪNG KHỞI ĐỘNG NHANH)



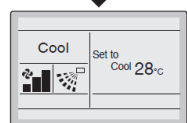
Trong chế độ hoạt **động Cool, Heat** hay **Auto**, vào màn hình Menu chính
 Nhấn ▼▲ để chọn **Quick start** từ màn hình Menu chính



Nhấn nút **Menu/Enter** để xác nhận chế độ và trở lại màn hình cơ bản.
Quick start sẽ được hiển thị trên màn hình cơ bản.
Quick start đang ở chế độ **ON** (được kích hoạt sử dụng)



Quick start đang được hiển thị trên màn hình cơ bản. Vào màn hình Menu chính
 Nhấn ▼▲ để chọn **Quick start** từ màn hình Menu chính



Nhấn nút **Menu/Enter** để xác nhận chế độ và trở lại màn hình cơ bản.
Quick start sẽ không còn được hiển thị trên màn hình cơ bản.
Quick start đang ở chế độ **OFF** (dừng kích hoạt –không sử dụng)

2. QUICK START (KHỞI ĐỘNG NHANH)-CHỈ CHO SPLIT

Quick start: tốc độ luồng khí (tốc độ quạt) được điều khiển tự động, công suất của dàn nóng được tăng lên để nhanh chóng đưa nhiệt độ phòng về nhiệt độ thoải mái nhất.

-Hiện thị tốc độ luồng khí sẽ không còn được hiển thị trên điều khiển và chúng ta không thể thay đổi được

-Chế độ **Quick start** không thể được thực hiện khi hệ thống đang trong chế độ hoạt động quạt (**Fan**) hay khử ẩm (**Dry**)

-Chế độ **Quick start** chỉ hoạt động được tối đa là 30 phút. Sau đó hệ thống tự trở lại hoạt động bình thường theo cài đặt

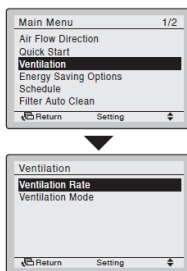
-**Quick start** trong chế độ **Heat**, tốc độ luồng khí sẽ tăng lên và nhiệt độ gió cấp sẽ giảm xuống

Điều chỉnh hoạt động theo mong muốn.

3. VENTILATION (THÔNG GIÓ)

3.1: PHƯƠNG PHÁP VÀO MÀN HÌNH HIỂN THỊ VENTILATION

1



Vào màn hình Menu chính

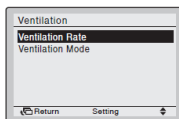
Nhấn ▼▲ để chọn **Ventilation**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

(Một số model sẽ không hiển thị chức năng **Ventilation**)

3.2: THAY ĐỔI TỐC ĐỘ THÔNG GIÓ (VENTILATION RATE)

1



Trong màn hình hiển thị của chế độ **Ventilation**

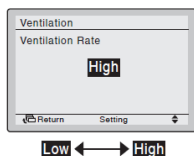
Nhấn ▼▲ để chọn **Ventilation Rate**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục **Ventilation Rate**

3. VENTILATION (THÔNG GIÓ)

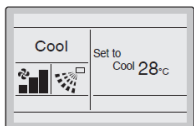
3.2: THAY ĐỔI TỐC ĐỘ THÔNG GIÓ (VENTILATION RATE)

2



Nhấn ▼▲ để thay đổi lựa chọn tốc độ thông gió giữa **Low** (thấp) và **High** (Cao)
Chỉ những chế độ cài đặt được mới hiển thị.

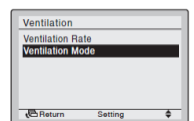
3



Chọn tốc độ như mong muốn. Sau đó nhấn **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản.
Nếu bạn không cần thay đổi tốc độ thông gió, hãy nhấn nút **Cancel** để trở về màn hình trước đó mà không làm thay đổi cài đặt

3.3: THAY ĐỔI CHẾ ĐỘ THÔNG GIÓ (VENTILATION MODE)

1



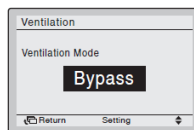
Trong màn hình hiển thị của chế độ **Ventilation**
Nhấn ▼▲ để chọn **Ventilation Mode**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục **Ventilation Mode**

36

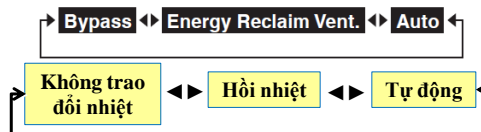
3. VENTILATION (THÔNG GIÓ)

3.3: THAY ĐỔI CHẾ ĐỘ THÔNG GIÓ (VENTILATION MODE)

2



Nhấn ▼▲ để thay đổi các chế độ hoạt động như hình dưới
Chỉ những chế độ cài đặt được mới hiển thị.

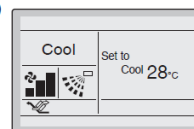


-**Automatic mode**: Sử dụng các thông tin của hệ thống điều hòa (Chế độ chạy cool, heat, fan hay nhiệt độ cài đặt) và các dàn HRV (Nhiệt độ không khí trong và ngoài phòng), chế độ tự động này sẽ thay đổi hoạt động giữa 2 chế độ là: **Energy Reclaim Ventilation** và **Bypass**.

-**Energy Reclaim Ventilation**: Không khí ngoài được cấp vào phòng có được xử lý nhiệt

-**Bypass**: không khí ngoài được cấp vào phòng mà không được xử lý nhiệt

3



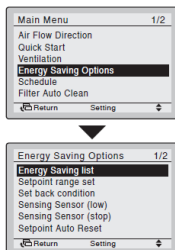
Chọn chế độ như mong muốn. Sau đó nhấn **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản.
Nếu bạn không cần thay đổi tốc độ thông gió, hãy nhấn nút **Cancel** để trở về màn hình trước đó mà không làm thay đổi cài đặt

37

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

4.1: PHƯƠNG PHÁP VÀO MÀN HÌNH HIỂN THỊ

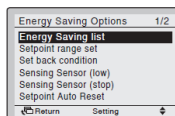
1



Vào màn hình Menu chính
Nhấn ▼▲ để chọn **Energy Saving Options**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

4.2: ENERGY SAVING LIST (DANH SÁCH)

1



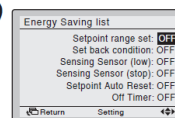
Trong màn hình **Energy Saving Options**
Nhấn ▼▲ để chọn **Energy Saving List**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

38

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

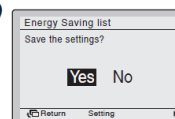
4.2: ENERGY SAVING LIST (DANH SÁCH)

2



Nhấn ▼▲ để thay đổi các cài đặt là **ON** (kích hoạt) hay **OFF** (dừng kích hoạt)
Nhấn ◀▶ để di chuyển giữa các lựa chọn cài đặt trong danh sách.
Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận
Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

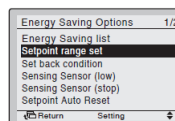
3



Nhấn ◀▶ để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận
Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

4.3: SETPOINT RANGE SET(HẠN CHẾ NHIỆT ĐỘ CÀI ĐẶT)

1



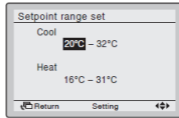
Trong màn hình **Energy Saving Options**
Nhấn ▼▲ để chọn **Setpoint range set**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này
Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

39

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

4.3: SETPOINT RANGE SET(HẠN CHẾ NHIỆT ĐỘ CÀI ĐẶT)

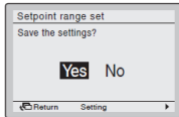
2



Nhấn ▼▲ để thay đổi nhiệt độ giới hạn cài đặt cho chế độ Cool hay Heat
Nhấn ◀▶ để di chuyển giữa các lựa chọn **Cool-Heat** cài đặt trong danh sách.

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận
Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

3

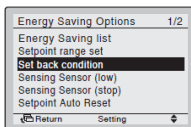


Nhấn ◀▶ để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

4.4: SETBACK CONDITION (HOẠT ĐỘNG QUAY LẠI)

1



Trong màn hình **Energy Saving Options**

Nhấn ▼▲ để chọn **Setback condition**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

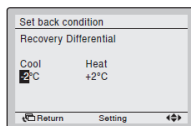
Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

40

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

4.4: SETBACK CONDITION (HOẠT ĐỘNG QUAY LẠI)

2



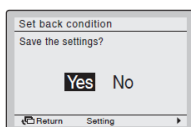
Nhấn ▼▲ để thay đổi nhiệt độ chênh lệch của chế độ Setback.

Nhấn ◀▶ để di chuyển giữa các lựa chọn **Cool-Heat** cài đặt trong danh sách.

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận

Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

3



Nhấn ◀▶ để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

4.5: SENSING SENSOR-LOW (CẢM BIẾN-THẤP)

-Chức năng này chỉ có khi các bộ cảm biến (Sensing Sensor) được lắp đặt.

-Chức năng này không được sử dụng trong thời điểm điều khiển nhóm

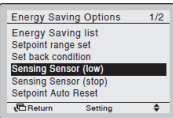
-Trong trường hợp là hệ thống hoạt động đồng thời (đàn lạnh kết nối nhóm điều khiển), thì hệ thống này sẽ được điều khiển bởi cảm biến gắn tại dàn lạnh chủ

41

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

4.5: SENSING SENSOR-LOW (CẢM BIẾN-THẤP)

1



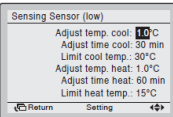
Trong màn hình **Energy Saving Options**

Nhấn **▼▲** để chọn **Sensing Sensor (Low)**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

2



Nhấn **▼▲** để thay đổi các giá trị cài đặt của hoạt động tiết kiệm năng lượng khi cảm biến phát hiện sự vắng mặt của con người.

Nhấn **◀▶** để di chuyển giữa các lựa chọn cài đặt trong danh sách.

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận

Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

Ví dụ:

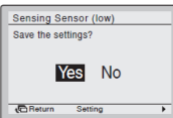
Adjust temp cool: 1.0°C (điều chỉnh nhiệt độ làm lạnh)

Adjust time cool : 30 min (điều chỉnh thời gian làm lạnh)

Limit cool temp : 30°C (giới hạn nhiệt độ làm lạnh)

Trong hoạt động **Cool**, nếu phát hiện không có người trong phòng điều hòa bởi bộ cảm biến, nhiệt độ đã đặt sẽ tự động tăng lên 1°C sau mỗi 30 phút cho đến khi nhiệt độ tăng lên tới 30°C. Trên màn hình cơ bản, nhiệt độ thiết lập sẽ không thay đổi

3



Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

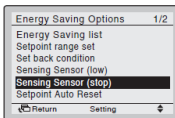
Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

4.6: SENSING SENSOR-STOP (CẢM BIẾN-DỪNG)

- Chức năng này chỉ có khi các bộ cảm biến (Sensing Sensor) được lắp đặt.
- Chức năng này không được sử dụng trong thời điểm điều khiển nhóm
- Trong trường hợp là hệ thống hoạt động đồng thời (dàn lạnh kết nối nhóm điều khiển), thì hệ thống này sẽ được điều khiển bởi cảm biến gắn tại dàn lạnh chủ

1



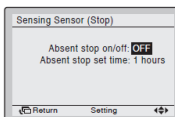
Trong màn hình **Energy Saving Options**

Nhấn **▼▲** để chọn **Sensing Sensor (Stop)**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

2



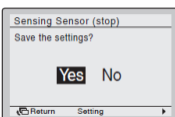
Nhấn **▼▲** để thay đổi các giá trị cài đặt của hoạt động tiết kiệm năng lượng khi cảm biến phát hiện sự vắng mặt của con người. (lúc đó điều hòa sẽ dừng hoạt động)

Nhấn **◀▶** để di chuyển giữa các lựa chọn cài đặt trong danh sách.

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận

Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

3



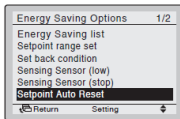
Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

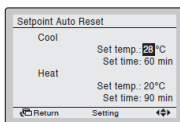
4.7: SETPOINT AUTO RESET(TỰ ĐỘNG KHÔI PHỤC NHỆT ĐỘ)

1



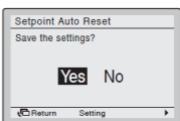
Trong màn hình **Energy Saving Options**
Nhấn **▼▲** để chọn **Setpoint Auto Reset**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này
Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

2



Nhấn **▼▲** để thay đổi các giá trị cài đặt nhiệt độ và thời gian
Nhấn **◀▶** để di chuyển giữa các lựa chọn cài đặt **Cool-Heat** trong danh sách.
Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận
Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

3

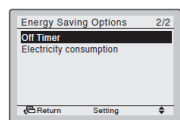


Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận
Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

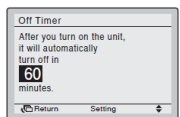
4.7: OFF TIMER (THỜI GIAN DỪNG HOẠT ĐỘNG)

1



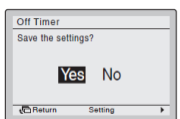
Trong màn hình **Energy Saving Options**
Nhấn **▼▲** để chọn **Off Timer**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này
Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

2



Nhấn **▼▲** để thay đổi các giá trị cài đặt thời gian hoạt động của dàn lạnh cho đến khi tự động dừng.
Thời gian cài đặt có thể thay đổi từ 30-180 phút (Bước thay đổi là 10 phút)
Bấm giữ nút **▼▲** sẽ làm cho giá trị thời gian thay đổi liên tục
Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận
Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

3

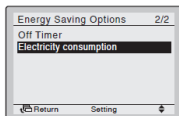


Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận
Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

4. ENERGY SAVING OPTIONS (CÁC CHẾ ĐỘ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG)

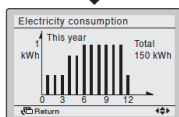
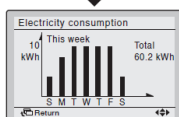
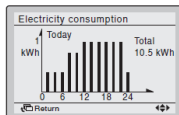
4.8: ELECTRICITY CONSUMPTION(ĐIỆN NĂNG TIÊU THU)

1



Trong màn hình **Energy Saving Options**
Nhấn ▼▲ để chọn **Electricity Consumption**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này
Điện năng tiêu thụ sẽ hiển thị trên màn hình.

2



Nhấn ◀▶ để di chuyển giữa các màn hình hiển thị:

Today(hôm nay) / **Yesterday**(hôm qua) / **This week**(tuần này-tính cho 1 tuần) / **Last week**(Tuần trước-tính cho 1 tuần) / **This year**(Năm nay-tính cho 1 năm) / **Last year**(năm trước-tính cho 1 năm)

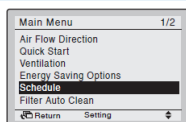
Nhấn ▼▲ thay đổi các mục và giá trị nằm ở vị trí góc phải trên của biểu đồ.

Nhấn nút **Cancel** để trở về màn hình trước

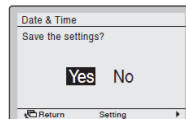
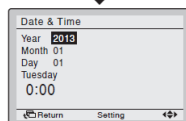
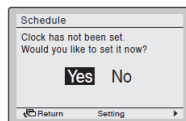
46

5. SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)

5.1: PHƯƠNG PHÁP VÀO MÀN HÌNH HIỂN THỊ



Trong màn hình **Menu** chính
Nhấn ▼▲ để chọn **Schedule**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này



Trước khi thực hiện cài đặt **Schedule**, phải cài đặt đồng hồ trước

-Nếu đồng hồ không được thiết lập, một màn hình như bên trái sẽ hiển thị

-Nhấn ◀▶ để chọn **Yes** và nhấn nút **Menu/Enter**

-Cài đặt **Date&Time** sẽ được hiển thị.

-Thực hiện cài đặt cho Năm-Tháng-Ngày và thời gian thực.

-Để thay đổi các giá trị, sử dụng nút ▼▲

-Để thay đổi các mục năm-tháng-ngày-thời gian, sử dụng nút ◀▶

Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận

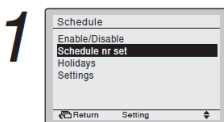
Nhấn ◀▶ để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình **Schedule**

47

5. SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)

5.2: SCHEDULE NR SET(SỐ LỊCH CÀI ĐẶT)

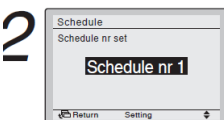


Trong màn hình **Schedule**

Nhấn **▼▲** để chọn **Schedule nr set**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

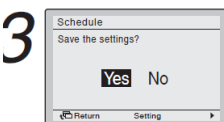
Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.



Nhấn **▼▲** để thay đổi các lựa chọn “ **Schedule nr 1**”, “ **Schedule nr 2**”, “ **Schedule nr 3**”

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để vào màn hình xác nhận

Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.



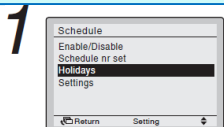
Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

5. SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)

5.3: HOLIDAY (NGÀY LỄ)

Schedule sẽ dừng kích hoạt cho những ngày được chọn là ngày nghỉ

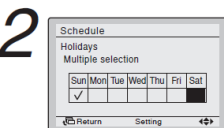


Trong màn hình **Schedule**

Nhấn **▼▲** để chọn **Holiday**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.



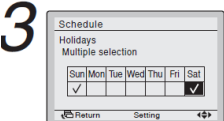
Nhấn **◀▶** để chọn ngày mong muốn.

Nhấn **▼▲** để hiển thị biểu tượng “✓” thiết lập ngày đó là ngày nghỉ lễ.

Nhấn **▼▲** để di chuyển giữa việc lựa chọn và không lựa chọn ngày nghỉ lễ

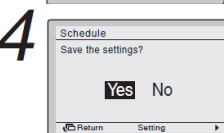
Nhiều ngày có thể được lựa chọn là ngày lễ tùy theo bạn

Để có thể kích hoạt lịch trình hoạt động cho hệ thống vào các ngày được chọn là ngày lễ, thì các thiết lập cho ngày lễ phải được cài đặt.



Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận. Màn hình

xác nhận sẽ xuất hiện.



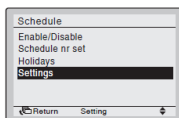
Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản

5. SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)

5.4: SCHEDULE SETTING (CÀI ĐẶT LẬP LỊCH)

1



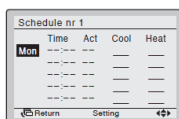
Trong màn hình **Schedule**

Nhấn **▼▲** để chọn **Schedule setting**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

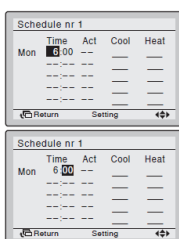
Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

2



Nhấn **▼▲** để thay đổi các ngày trong tuần mà bạn muốn cài đặt lịch

3



Cài đặt thời gian cho ngày được lựa chọn

Nhấn **◀▶** để di chuyển mục được đánh dấu **6:00** và nhấn **▼▲** để thay đổi thời gian như mong muốn

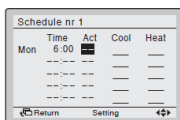
Mỗi một lần nhấn **▼▲** sẽ thay đổi 1 giờ hay 1 phút cài đặt.

50

5. SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)

5.4: SCHEDULE SETTING (CÀI ĐẶT LẬP LỊCH)

4



Nhấn **◀▶** để di chuyển mục được đánh dấu và nhấn **▼▲** để thay đổi giữa cài đặt **ON/OFF**

“--”: ON hay OFF sẽ được thay đổi qua lại khi nhấn nút **▼▲**

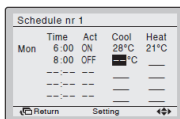
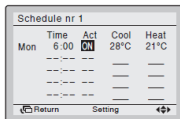
Mỗi một lần nhấn **▼▲** sẽ thay đổi 1 giờ hay 1 phút cài đặt.

Cột “Act”:

ON: Nhiệt độ cài đặt có thể được xác nhận.

OFF: Nhiệt độ Setback có thể được xác nhận.

--: Nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ Setback là không được kích hoạt



Nhiệt độ đặt cho chế độ chạy **Cooling** hay **Heating** trong cả hai trường hợp **ON** và **OFF (Setback)** là được xác nhận.

Cột “Cool” và “Heat”:

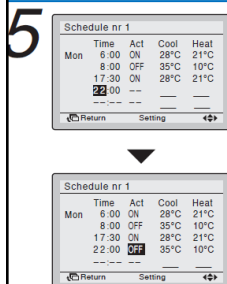
“--”: Biểu tượng trên chỉ ra rằng nhiệt độ cài và nhiệt độ Setback trong thời gian này là không được xác định. Các thiết lập nhiệt độ cuối cùng sẽ được sử dụng.

“--”: Biểu tượng chỉ ra rằng chức năng **Setback** là vô hiệu trong khoảng thời gian này.

51

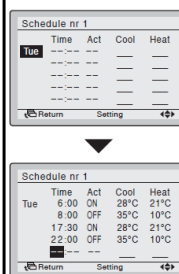
5. SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)

5.4: SCHEDULE SETTING (CÀI ĐẶT LẬP LỊCH)



Tối đa có được 5 hành động mỗi ngày có thể được thực hiện.

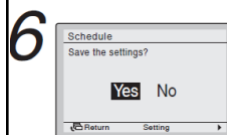
Nhấn nút **Menu/Enter** khi cài đặt cho mỗi ngày được thực hiện xong. Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện



Chú ý:

Để sao chép các thiết lập của ngày trước đó cho các ngày sau, có thể sử dụng chức năng sao chép. Nhấn nút **Mode selector** để các thiết lập hiện tại sẽ được sao chép.

Ví dụ: Muốn sao chép toàn bộ cài đặt của ngày thứ 2(Mon), nhấn nút **Mode Selector** và sau đó chọn sang ngày thứ 3(Tue)

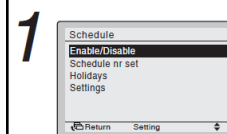


Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình xác nhận

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt cho mỗi ngày và trở lại màn hình Menu chính

5. SCHEDULE (LẬP LỊCH HOẠT ĐỘNG)

5.5: ENABLE/DISABLE (KÍCH HOẠT HAY DỪNG HOẠT ĐỘNG LỊCH)

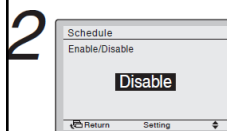


Trong màn hình **Schedule**

Nhấn **▼▲** để chọn **Enable/Disable**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

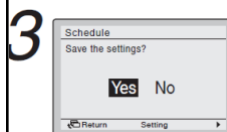
Màn hình **Enable/Disable** sẽ xuất hiện.



Nhấn **▼▲** để chọn **Enable** hay **Disable** trên màn hình **Enable/Disable**

Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt

Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

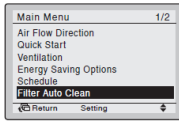


Nhấn **◀▶** để chọn **Yes** trong màn hình.

Sau đó bấm nút **Menu/Enter** để xác nhận **Enable** hay **Disable** cho lịch hoạt động và trở lại màn hình cơ bản.

6. FILTER AUTO CLEAN (TỰ ĐỘNG LÀM SẠCH)

1

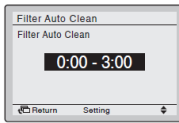


Trong màn hình **Menu** chính

Nhấn **▼▲** để chọn **Filter Auto Clean**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



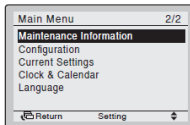
Thời gian tự động làm sạch sẽ phải được cài đặt.

-Chức năng này chỉ có trên các model máy mà chức năng tự động làm sạch là sẵn có.

-Đối với các hoạt động chi tiết cho chức năng này. Tham khảo trong các hướng dẫn đi kèm với chức năng.

7. MAINTENANCE INFORMATION (THÔNG TIN BẢO TRÌ)

1

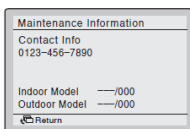


Trong màn hình **Menu** chính

Nhấn **▼▲** để chọn **Maintenance Information**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



-Thông tin số điện thoại liên lạc được hiển thị phía bên trên của màn hình. (Nếu thông tin này không được cài đặt và xác nhận, thông tin này sẽ không hiển thị)

-Thông tin về model của dàn lạnh và dàn nóng của sản phẩm cũng sẽ được hiển thị bên dưới của màn hình điều khiển.

(Đối với một số model thì mã sản phẩm có thể hiển thị thay cho model).

-Model sẽ không được hiển thị nếu vi mạch đã được thay thế.



Lịch sử sự cố của máy cũng có thể được hiển thị.

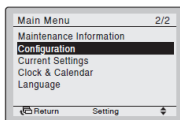
Nếu mã sự cố không nhấp nháy, hệ thống đang hoạt động bình thường. Đó là các mã sự cố trước đó hệ thống đã gặp phải.

Lịch sử mã sự cố sẽ không được hiển thị nếu bấm giữ nút ON/OFF trong thời gian hơn 4 giây (xóa mã sự cố)

8. CONFIGURATION (CẤU HÌNH)

8.1: PHƯƠNG PHÁP VÀO MÀN HÌNH HIỂN THỊ

1



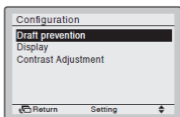
Trong màn hình **Menu** chính

Nhấn **▼▲** để chọn **Configuration**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

8.2:DRAFT PREVENTION (NGĂN CHẶN LƯỜNG GIÓ)

1

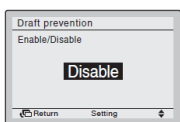


Trong màn hình **Configuration**

Nhấn **▼▲** để chọn **Draft Prevention**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

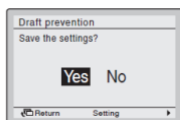
2



Nhấn **▼▲** để chọn **Enable** hay **Disable**

Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận. Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện

3



Nhấn **◀▶** để chọn **Yes**

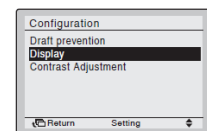
Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt **Enable** hay **Disable** và trở lại màn hình cơ bản.

56

8. CONFIGURATION (CẤU HÌNH)

8.3:DISPLAY (HIỂN THỊ) – DISPLAY MODE

1

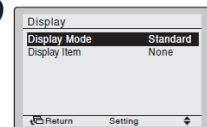


Trong màn hình **Configuration**

Nhấn **▼▲** để chọn **Display**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

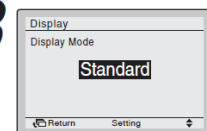
2



Nhấn **▼▲** để chọn **Display Mode**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

3



Nhấn **▼▲** để chọn **Standard** hay **Detailed**

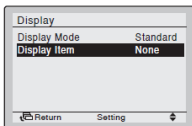
Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt này và trở lại màn hình cơ bản

57

8. CONFIGURATION (CẤU HÌNH)

8.3: DISPLAY (HIỂN THỊ) – DISPLAY ITEM

1



Trong màn hình **Display**

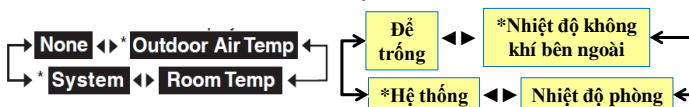
Nhấn **▼▲** để chọn **Display Item**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



Nhấn **▼▲** thì các hiển thị cài đặt sẽ thay đổi như dưới:



(*: Một số model sẽ không hiển thị thông tin này ngay cả khi được cài)

Lưu ý:

-Room temp(Nhiệt độ phòng): Nhiệt độ được xác định tại cảm biến trên điều khiển từ xa. Nhiệt độ này có thể bị ảnh hưởng bởi tác nhân khác và vị trí đặt điều khiển.

-Outdoor Air temp(Nhiệt độ không khí ngoài trời): Nhiệt độ được xác định tại cảm biến ngoài dàn nóng. Nhiệt độ này cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi vị trí đặt dàn nóng và các hoạt động của dàn (như hoạt động xả đá)



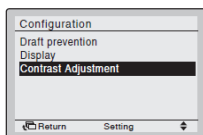
Sau khi thiết lập, nhấn **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt này và trở lại màn hình cơ bản

58

8. CONFIGURATION (CẤU HÌNH)

8.4: CONTRAST ADJUSTMENT (ĐIỀU CHỈNH TƯƠNG PHẢN MÀN HÌNH)

1

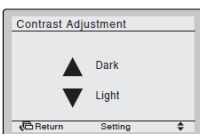


Trong màn hình **Configuration**

Nhấn **▼▲** để chọn **Contrast Adjustment**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



Trong màn hình **Contrast Adjustment**

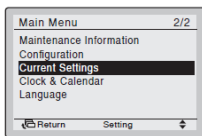
Nhấn **▼▲** để chọn độ tương phản cho màn hình theo mong muốn.

Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận và trở lại màn hình cơ bản.

59

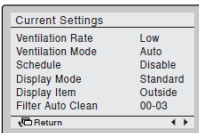
9. CURRENT SETTING (CÀI ĐẶT HIỆN TẠI)

1



Trong màn hình **Menu** chính
Nhấn **▼▲** để chọn **Current setting**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



Một danh sách những cài đặt hiện tại sẽ xuất hiện
Nhấn **◀▶** để chuyển qua xem các màn hình hiển thị.
Nhấn **Cancel** để trở lại màn hình **Menu** chính.

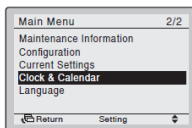
Display items

Ventilation Rate	Display Mode
Ventilation Mode	Display Item
Schedule	Filter Auto Clean
Quick Start	

*Các mục hiển thị có thể là khác nhau giữa các loại model khác nhau
Chỉ các mục có thể cài đặt thì mới hiển thị

10. CLOCK&CALENDAR (ĐỒNG HỒ VÀ LỊCH)

10.1: PHƯƠNG PHÁP VÀO MÀN HÌNH HIỂN THỊ



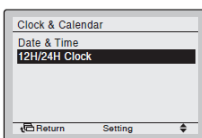
Trong màn hình **Menu** chính
Nhấn **▼▲** để chọn **Clock&Calendar**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

10.2: DATE&TIME (NGÀY VÀ GIỜ)

LÀM TƯƠNG TỰ CÁC HƯỚNG DẪN NHƯ TRONG MỤC
“5.SCHEDULE”

10.3: 12H/24H CLOCK (CÀI ĐẶT HIỂN THỊ 12H/24H)

1

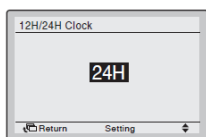


Trong màn hình **Clock&Calendar**
Nhấn **▼▲** để chọn **12H/24H Clock**
Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

10. CLOCK & CALENDAR (ĐỒNG HỒ VÀ LỊCH)

10.3: 12H/24H CLOCK (CÀI ĐẶT HIỂN THỊ 12H/24H)

2

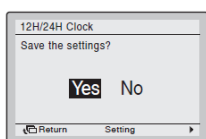


Cài đặt mặc định là hiển thị giờ theo định dạng 24H

Nhấn **▼▲** để chọn **12H** hay **24H**

Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận. Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện.

3

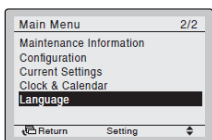


Nhấn **◀▶** để chọn **Yes**

Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt này và trở lại màn hình **Menu** chính

10. LANGUAGE (NGÔN NGỮ)

1

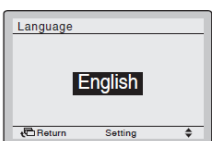


Trong màn hình **Menu** chính

Nhấn **▼▲** để chọn **Language**

Nhấn **Menu/Enter** để vào cài đặt trong danh mục này

2



Nhấn **▼▲** để chọn các ngôn ngữ như đã có dưới đây

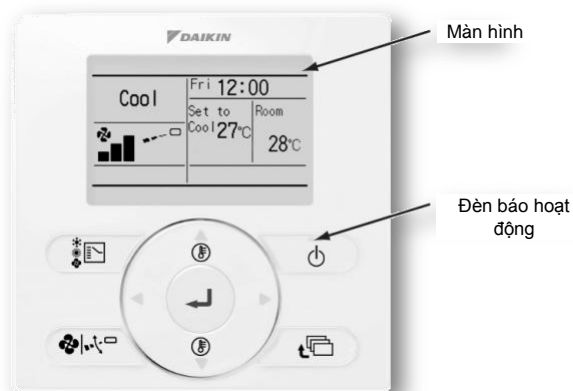
Tiếng Anh, Đức, Pháp, Ý, Tây ban nha, Bồ đào nha, Hà lan, Nga, Hy
lạp, Thổ nhĩ kỳ, Ba lan.

Nhấn **Menu/Enter** để xác nhận cài đặt và trở lại màn hình cơ bản

7.1 Tự chẩn đoán bằng Điều khiển từ xa:

i. Điều khiển từ xa có dây – **BRC1E62**

- Màn hình sẽ hiển thị những chỉ báo sau đây khi xảy ra lỗi trong quá trình vận hành. Kiểm tra mã lỗi và thực hiện hành động sửa chữa quy định cho từng model cụ thể.



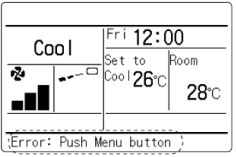
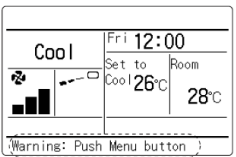
64

7.1 Tự chẩn đoán bằng Điều khiển từ xa:

i. Điều khiển từ xa có dây – **BRC1E62**

- Màn hình sẽ hiển thị những chỉ báo sau đây khi xảy ra lỗi trong quá trình vận hành. Kiểm tra mã lỗi và thực hiện hành động sửa chữa quy định cho từng model cụ thể.

(1) Kiểm tra lỗi hoặc cảnh báo

	Trạng thái hoạt động	Màn hình
Tắt bất thường	Hệ thống dừng hoạt động	Đèn báo hoạt động (xanh lá) bắt đầu nhấp nháy. Thông báo "Error: Press Menu button" sẽ xuất hiện và nhấp nháy ở cuối màn hình. 
Cảnh báo	Hệ thống tiếp tục hoạt động	Đèn báo hoạt động (xanh lá) tiếp tục sáng. Thông báo "Warning: Press Menu button" sẽ xuất hiện và nhấp nháy ở cuối màn hình. 

65

Cảm ơn bạn đã quan tâm theo dõi!